

**CÔNG TY TNHH TECHNOLOGY HKC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TECHNOLOGY HKC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHNOLOGY HKC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TECHNOLOGYHKC CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110653403

**3. Ngày thành lập:** 18/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 22, Biệt thự liền kề 1, Khu đô thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942688102

Fax:

Email: [trangiatravel1106@gmail.com](mailto:trangiatravel1106@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;                                                                                                                                                                                                      | 4610(Chính) |
| 2.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                                                                                                                          | 4634        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                | 4649        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                            | 4651        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                             | 4652        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 7.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn dầu thô, Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                        | 4661        |
| 8.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>- Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm;                                                                                                                                                                          | 0128        |
| 9.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                               | 8292        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng cty kinh doanh                                                                                                                     | 8299 |
| 11. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                           | 7310 |
| 12. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết:<br>- Giết mổ gia súc, gia cầm<br>- Chế biến và bảo quản thịt<br>- Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt                                                                            | 1010 |
| 13. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản<br>Chi tiết:<br>- Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh<br>- Chế biến và bảo quản thủy sản khô<br>- Chế biến và bảo quản nước mắm<br>- Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản | 1020 |
| 14. | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất nước ép từ rau quả<br>- Chế biến và bảo quản rau quả khác                                                                                                                                   | 1030 |
| 15. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất dầu, mỡ động vật<br>- Sản xuất dầu, bơ thực vật                                                                                                                                          | 1040 |
| 16. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                 | 1050 |
| 17. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                        | 1074 |
| 18. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác                                        | 1075 |
| 19. | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                                                                        | 1076 |
| 20. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                     | 1077 |
| 21. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                       | 1101 |
| 22. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                                                                                  | 1102 |
| 23. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                                                                                                                                                  | 1103 |
| 24. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai<br>- Sản xuất đồ uống không cồn                                                                                                           | 1104 |

|     |                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | In ấn                                                                                                                                                                        | 1811 |
| 26. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mỹ phẩm<br>- Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 2023 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                               | 4933 |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác                                                                                          | 5210 |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **TRẦN THỊ HƯỜNG** Giới tính: *Nữ*  
Sinh ngày: *01/01/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038184033709*  
Ngày cấp: *18/09/2023* Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội*  
Địa chỉ thường trú: *Thôn Thượng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thượng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **TRẦN THỊ HƯỜNG** Giới tính: *Nữ*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *01/01/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038184033709*  
Ngày cấp: *18/09/2023* Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội*  
Địa chỉ thường trú: *Thôn Thượng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thượng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội